

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/DS-PT
Ngày 30-9-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 140/2023/TLST-DS, ngày 24/8/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Có mặt

****Bị đơn:*** Ông Trần Thành A, sinh năm 1968 và bà Trần Bích L, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Có mặt

****Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Trần Thành A và bà Trần Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Ngày 06/12/2019, bà Nguyễn Ngọc D có cho ông Trần Thành A và bà Trần Bích L vay số tiền 4.000.000.000 đồng với lãi suất theo thỏa thuận, việc vay tiền bà L và ông A không có thể chấp tài sản gì để đảm bảo, theo giấy vay tiền ngày 06/12/2019, hai bên có cam kết là vợ chồng bà L và ông A có tài sản là nhà đất nằm trong quy hoạch tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố Đ và khi nhà nước quy hoạch bồi thường thì sẽ lấy tiền trả cho bà D, cam kết số tài sản trên tại thời điểm vay tiền là chưa sang nhượng và ủy quyền cho ai để đảm bảo số nợ cho bà D, ngoài ra còn thỏa thuận nếu trong vòng một năm vẫn chưa quy hoạch thì sẽ trả tiền lãi suất cho bà D là 1000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên đến nay bà L và ông A chưa trả cho bà D số tiền gốc cũng như tiền lãi suất nào, mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu ông A, bà L trả tiền.

Nay bà Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu ông Trần Thành A và bà Trần Bích L phải liên đới trả cho bà D số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*) và tiền lãi từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/01 năm.

Bị đơn ông Trần Thành A và bà Trần Bích L thống nhất trình bày:

Do cần tiền làm ăn nên ngày 06/12/2019 ông A và vợ là bà L mượn của bà Nguyễn Ngọc D số tiền 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*) với lãi suất theo thỏa thuận, việc vay tiền bà L và ông A không có thể chấp tài sản gì để đảm bảo, theo giấy vay tiền ngày 06/12/2019, hai bên có cam kết là vợ chồng bà L và ông A có tài sản là nhà đất nằm trong quy hoạch tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố Đ và khi nhà nước quy hoạch bồi thường thì sẽ lấy tiền trả cho bà D, cam kết số tài sản trên tại thời điểm vay tiền là chưa sang nhượng và ủy quyền cho ai để đảm bảo số nợ cho bà D, ngoài ra còn thỏa thuận nếu trong vòng một năm vẫn chưa quy hoạch thì sẽ trả tiền lãi suất cho bà D là 1000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Mặc dù, bà D đã nhiều lần yêu cầu ông A, bà L trả tiền nhưng đến nay chưa trả cho bà D số tiền gốc cũng như tiền lãi suất nào.

Ông A cho rằng số tiền hai vợ chồng vay của bà D là để bà L đi làm ăn, làm gì thì ông A không biết. Nay bà D yêu cầu ông A và bà L phải trả nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi thì bà L đồng ý tự nguyện trả thay cho ông A toàn bộ số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*), trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, do điều kiện khó khăn nên ông A và bà L yêu cầu không tính lãi suất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc D.

Buộc ông Trần Thành A và bà Trần Bích L có trách nhiệm liên đới trả cho

bà Nguyễn Ngọc D số tiền nợ gốc đã vay là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi suất 2.009.706.000 đồng. Tổng cộng là 6.009.706.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm lẻ chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 27/6/2023 bị đơn bà Trần Thị Bích Loan có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án nêu trên theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà L chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Ngày 03/7/2023 bị đơn ông Trần Thanh An có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án nêu trên theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông A chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông A, bà L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn thực hiện trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy rằng:

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm

các bên đương sự đều thừa nhận ngày 06/12/2019 bị đơn ông Trần Thành A, bà Trần Bích L có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) theo giấy vay tiền ngày 06/12/2019 (bút lục 35). Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông A, bà L về việc ông bà cho rằng đã trả cho bà D nhiều lần, nay chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 2.100.000.000 đồng. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc bị đơn ông A, bà L thừa nhận ông bà có ký vào giấy vay tiền đề ngày 06/12/2019 (bút lục 35) thể hiện nội dung ông A, bà L có mượn của nguyên đơn bà D số tiền 4.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo hai bên, ông A là người trực tiếp viết và ký vào giấy vay tiền. Ông A cho rằng số tiền này không liên quan đến ông A, ông cũng không được sử dụng số tiền vay này và thực tế trước đây các bên có giấy vay tiền với số tiền là 2.100.000.000 đồng sau đó tăng lãi suất nên đến ngày 6/12/2019 mới cộng dồn thành 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông A, bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào thể hiện ông bà nợ bà D số tiền 2.100.000.000 đồng như ông bà trình bày. Mặt khác, ông A cũng khẳng định giấy vay tiền do ông viết và ký tên. Do đó lời trình bày của bị đơn ông A, bà L là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn: Ông A cho rằng ông A không liên quan đến việc vay nợ với nguyên đơn, số tiền nợ này là do bà L vay để làm ăn riêng chứ không liên quan gì đến ông A. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [2] bị đơn ông A, bà L đều thừa nhận có vay của nguyên đơn bà D số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) theo giấy vay tiền ngày 06/12/2019. Mặt khác, tại phiên tòa ông A, bà L trình bày ông bà là vợ chồng, do đó đây là khoản nợ chung của ông A, bà L trong thời kỳ hôn nhân nên ông A, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, số tiền 4000.000.000 đồng không phải là số tiền nhỏ để cho rằng ông A không biết bà L sử dụng vào mục đích gì và ông A không được sử dụng là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm bị đơn ông A, bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó kháng cáo của bị đơn không được HĐXX chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Thành A và bà Trần Bích L;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D.

Buộc ông Trần Thành A và bà Trần Bích L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền nợ gốc đã vay là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi suất 2.009.706.000 đồng. Tổng cộng là 6.009.706.000 đồng (*Sáu tỷ không trăm lẻ chín triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc D không phải chịu án phí. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả lại cho bà D số tiền 57.212.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004828 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

Ông Trần Thành A và bà Trần Bích L phải liên đới nộp số tiền 114.009.706 đồng (*Một trăm mười bốn triệu không trăm lẻ chín nghìn bảy trăm*

lẻ sáu đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Thành A và bà Trần Bích L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005072 và số 0005073 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Thảo